

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 3 - 2019

*V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phú Thọ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Thơ.

2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ong Thị Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Mai Quang K, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số ST, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Dương Thị Thanh T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Số MC, ấp T, xã T, TP C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh K có mặt và chị T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và qua quá trình giải quyết nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T thống nhất trình bày: Hai người kết hôn vào tháng 9/2015 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, thời gian

vợ chồng sống chung thường xảy ra những bất đồng về tính cách, không hạnh phúc, nên vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12/2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có hàn gắn tình cảm lại với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Mai Quang K và chị Dương Thị Thanh T thống nhất ly hôn.

Tại phiên hòa giải ngày 29/01/2019 anh Mai Quang K và chị Dương Thị Thanh T thống nhất thỏa thuận:

Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên Dương Phúc Ah, sinh ngày 15/06/2016, hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con chung và anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên ngày 30/01/2019, anh Mai Văn K gửi văn bản ý kiến thay đổi ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con chung với lý do là ngoài khả năng của anh K cho đến khi nào anh K có nghề nghiệp sẽ ổn định thì anh K sẽ lo cho con chung theo khả năng của anh K.

Tại phiên tòa, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh K và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh K và chị T xác định không có nợ ai và không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Mai Quang K và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn chị Dương Thị Thanh T, có địa chỉ tại số MC, tổ B, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[2] Đối với bị đơn Dương Thị Thanh T đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng

mặt, không lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T kết hôn vào tháng 9/2015 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, việc sống chung là do anh chị tự nguyện và thừa nhận. Anh K và chị T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Nay anh K và chị T thống nhất ly hôn, nhưng do anh K và chị T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”* và khoản 2 điều 53 Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014 cũng có quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này, nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.*

Do vậy, không công nhận anh K và chị T là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh K và chị T đã thống nhất thỏa thuận tiếp tục giao con chung Dương Phúc A, sinh ngày 15/06/2016, hiện đang sống với chị T, cho chị T trực tiếp nuôi.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hòa giải ngày 29/01/2019, chị Tuyền và anh Khả đã thống nhất về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ mười 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2019. Tuy nhiên, đến ngày 30/01/2019, anh K lại có văn bản không đồng ý mức cấp dưỡng như đã thống nhất. Tại phiên tòa, anh K đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng bằng ½ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung do đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với nợ chung: Anh K và chị T xác định không có nợ ai và không cho ai nợ nên không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 và khoản Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Mai Quang K và chị Dương Thị Thanh T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Mai Quang K và chị Dương Thị Thanh T: Chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Dương Phúc A, sinh ngày 15/06/2016, hiện đang sống với chị T.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Mai Quang K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Dương Phúc A, sinh ngày 15/06/2016, mức cấp dưỡng hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Mai Quang K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; Tổng cộng là 600.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005066 ngày 28/11/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Anh K còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Chị Dương Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của chị T được tính kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Cao Lãnh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi Cục THADS TP cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Thọ

